CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/NQ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Phát triển Việt Nam kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục giải quyết công việc đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ngân hàng Phát triển Việt Nam chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục giải quyết công việc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục giải quyết công việc được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục giải quyết công việc được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc

hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 4. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Ngân hàng Phát triển Việt nam và các bộ, ngành liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục giải quyết công việc đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CÁC THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

Các chữ viết tắt:

NHPT: Ngân hàng Phát triển Việt Nam

UBND: Ủy ban nhân dân

TDĐT: Tín dụng đầu tư

XLRR: Xử lý rủi ro

DATC: Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp

Phần I

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VAY VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ

1. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Thẩm định dự án nhóm A\thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc NHPT\trường hợp thẩm định lần đầu - B-NPT-097918-TT

2. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Thẩm định dự án nhóm B và nhóm C\thuộc thẩm quyền Tổng Giám đốc NHPT\trường hợp thẩm định lần đầu - B-NPT-097925-TT

3. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Thẩm định dự án nhóm B và nhóm C\thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Giao dịch, Chi nhánh NHPT\trường hợp thẩm định lần đầu - B-NPT-097936-TT

a) Thành phần hồ sơ:

- Bỏ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, bao gồm các tài liệu sau:

+ Kết quả thẩm định dự án.

+ Đối với dự án chưa triển khai thực hiện đầu tư: Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước (đối với dự án thủy điện).

+ Đối với dự án đang được triển khai thực hiện đầu tư (đã có Quyết định đầu tư): Giấy phép khai thác nước mặt (đối với dự án thủy điện).

+ Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bỏ Quyết định thành lập doanh nghiệp đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước.

- Bỏ các quy định phải nộp:

+ Văn bản về các nội dung khác có liên quan đến dự án.

+ Văn bản khác do chủ đầu tư gửi kèm liên quan đến đầu tư dự án.

+ Văn bản về các nội dung khác có liên quan đến quá trình triển khai thực hiện đầu tư dự án.

+ Các tài liệu liên quan khác do chủ đầu tư gửi kèm theo (nếu có).

- Thay thế "Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp" bằng "Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về: chấp thuận đầu tư dự án; quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với Ngân hàng Phát triển Việt Nam".

b) Sửa đổi:

- Sửa tên Văn bản đề nghị thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay thành Giấy đề nghị vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

- Sửa Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở (nếu có) thành Ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc đối tượng phải lấy ý kiến về thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009.

- Sửa Quyết định giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hợp đồng cho thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) thành Quyết định giao đất hoặc cho thuê đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hợp đồng cho thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có).

- Sửa Báo cáo về quan hệ tín dụng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức cho vay khác của chủ đầu tư, của Người đại diện theo pháp luật, cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn đến thời điểm gần nhất thành Bảng kê danh mục về tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

- Sửa Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng thành Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

c) Quy định rõ nội dung các tài liệu:

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay bao gồm:

+ Chứng thư định giá hoặc biên bản thỏa thuận giữa các bên về xác định giá trị tài sản bảo đảm.

+ Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng, quản lý tài sản bảo đảm.

+ Hợp đồng bảo hiểm của tài sản (nếu có).

+ Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có) (Đối với bên bảo đảm là người thứ ba).

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Đối với bên bảo đảm là người thứ ba).

d) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Giấy đề nghị vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước - bản chính.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án đầu tư hoặc thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình - bản chính.

- Giấy chứng nhận đầu tư: đối với nhà đầu tư trong nước làm chủ đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên phải có Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, bao gồm các tài liệu sau:

+ Ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc đối tượng phải lấy ý kiến về thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Thỏa thuận của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW về địa điểm xây dựng dự án, hợp đồng thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Đối với dự án đang được triển khai thực hiện đầu tư (đã có quyết định đầu tư):

+ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư - bản chính.

+ Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư dự án - bản chính.

+ Giấy phép xây dựng công trình - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Báo cáo về năng lực của Chủ đầu tư - bản chính.

- Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về: chấp thuận đầu tư dự án; quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - bản chính.

- Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 2 năm liền kề - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

Trường hợp chủ đầu tư là công ty mẹ, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

Trường hợp công ty con hạch toán độc lập vay vốn với sự bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của công ty mẹ, báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính của công ty con, báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

Trường hợp báo cáo tài chính của chủ đầu tư phải kiểm toán bắt buộc theo quy định và báo cáo tài chính đã được kiểm toán, thì phải gửi báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo kết luận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Đối với chủ đầu tư là đơn vị mới thành lập:

Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu vốn (đối với công ty TNHH một thành viên), Nghị quyết Đại hội xã viên (đối với HTX) về việc góp vốn đầu tư xây dựng dự án, phương án góp vốn phù hợp với nghị quyết được thông qua - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay:

+ Chứng thư định giá hoặc biên bản thỏa thuận giữa các bên về xác định giá trị tài sản bảo đảm - bản chính.

+ Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng, quản lý tài sản bảo đảm - bản chính.

+ Hợp đồng bảo hiểm của tài sản (nếu có) - bản chính.

+ Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có) (đối với với bên bảo đảm là người thứ ba) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (đối với bên bảo đảm là người thứ ba) - bản chính

đ) Các tài liệu yêu cầu khách hàng nộp trước khi thực hiện Ký kết hợp đồng tín dụng:

+ Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước (đối với dự án cấp nước) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản (đối với dự án khai thác sử dụng khoáng sản xi măng, quặng, vật liệu xây dựng...) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Giấy phép khai thác và sử dụng tài nguyên - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc); Trưởng Ban quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã); Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Quyết định giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW hoặc hợp đồng cho thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) - bản chính.

+ "Văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường" thay cho "Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án".

+ "Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của dự án" thay cho "Báo cáo thẩm duyệt về phương án phòng chống cháy nổ của dự án".

e) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Sửa tên Mẫu số MS01/TĐDA "Văn bản đề nghị thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay" thành "Giấy đề nghị vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước".

- Sửa đổi Mẫu số MS03/TĐDA "Phiếu giao nhận hồ sơ" thành "Bảng kê danh mục giao nhận hồ sơ".

- Mẫu số MS02/TĐDA "Báo cáo về năng lực chủ đầu tư":

+ Sửa nội dung điểm 2a: bỏ cụm từ "Các hợp đồng kinh tế và".

+ Bỏ điểm 3 "Quan hệ tín dụng với NHPT".

g) Sửa 4 điều kiện thành 2 điều kiện:

- Điều kiện về dự án: được lập theo đúng quy định pháp luật, đúng đối tượng, có hiệu quả, có khả năng trả nợ.

- Điều kiện về chủ đầu tư: có năng lực pháp luật, tài chính, quản lý thực hiện dự án; sử dụng vốn vay đúng mục đích; hoàn trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn; thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định.

4. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Thẩm định dự án nhóm A\thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc NHPT\trường hợp thẩm định lại (trường hợp dự án có thay đổi về quy mô, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư) - B-NPT-097920-TT

5. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Thẩm định dự án nhóm B và nhóm C\thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc NHPT\trường hợp thẩm định lại (trường hợp dự án có thay đổi về quy mô, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư) - B-NPT-097943-TT

6. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Thẩm định dự án nhóm B và nhóm C\thuộc thẩm quyền Giám đốc Sở Giao dịch hoặc Chi nhánh NHPT\trường hợp thẩm định lại - B-NPT-097941-TT

a) Thành phần hồ sơ:

- Trong Hồ sơ dự án: bỏ các văn bản, hồ sơ khác có liên quan đến sự thay đổi của dự án so với dự án đã được phê duyệt lần đầu.

- Trong Hồ sơ chủ đầu tư: bỏ các văn bản, tài liệu khác liên quan đến những thay đổi của chủ đầu tư so với hồ sơ gửi thẩm định lần đầu.

b) Tài liệu sửa đổi:

Sửa Văn bản đề nghị thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay thành Giấy đề nghị vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

c) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Giấy đề nghị vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước - bản chính.

- Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Báo cáo tài chính trong 2 năm liền kề với thời điểm chủ đầu tư đề nghị thẩm định lại dự án - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Báo cáo về năng lực chủ đầu tư - bản chính.

d) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm e) khoản 1, 2, 3 mục I phần I của phương án này.

đ) Yêu cầu, điều kiện:

Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm g) khoản 1, 2, 3 mục I phần I của phương án này.

II. TÍN DỤNG ĐẦU TƯ (KÝ KẾT HỢP ĐỒNG, GIA HẠN NỢ, LÙI THỜI ĐIỂM TRẢ NỢ, GIẢI NGÂN)

1. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): ký kết hợp đồng bảo đảm tiền vay - B-NPT-099290-TT

a) Bỏ tất cả các tài liệu yêu cầu khách hàng nộp.

b) Sửa 3 điều kiện thành như sau:

Điều kiện 1: Khách hàng có đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, Thông tư số 69/2007/TT-BTC, Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

Đối với người thứ ba cầm cố, thế chấp tài sản:

- Đối với người thứ ba là cá nhân Việt Nam thì phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với người thứ ba là pháp nhân Việt Nam thì phải có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Đối với người thứ ba là cá nhân, pháp nhân nước ngoài thì phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ được xác định theo pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân, nơi pháp nhân đó thành lập; trừ trường hợp pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định khác. Trong trường hợp cá nhân, pháp nhân nước ngoài xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự tại Việt Nam thì năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự của cá nhân, pháp nhân được xác định theo pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Có tài sản đủ điều kiện làm tài sản bảo đảm theo quy định tại Chương 8 Quyết định số 653/2008/QĐ-NHPT ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ của bên cầm cố, bên thế chấp.

Điều kiện 2:

- Tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng hợp pháp của bên bảo đảm. Đối với tài sản hình thành trong tương lai thì tài sản đó phải thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bảo đảm sau khi tài sản được hình thành.

- Tài sản bảo đảm được phép giao dịch.

- Tại thời điểm ký kết Hợp đồng bảo đảm tiền vay, tài sản bảo đảm không là đối tượng tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào.

- Tài sản bảo đảm phải xác định được số lượng, chủng loại, giá trị tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm và phải có khả năng thanh khoản.

- Tài sản bảo đảm phải được mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Ký kết hợp đồng tín dụng đầu tư - B-NPT-096386-TT

a) Bỏ tất cả các tài liệu yêu cầu khách hàng nộp.

b) Bổ sung các tài liệu chuyển từ giai đoạn thẩm định sang, bao gồm:

- Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước (đối với dự án cấp nước) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Giấy phép khai thác khoáng sản (đối với dự án khai thác sử dụng khoáng sản xi măng, quặng, vật liệu xây dựng...) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Giấy phép khai thác và sử dụng tài nguyên - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc); Trưởng Ban quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã); Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Quyết định giao đất, cho thuê đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW hoặc hợp đồng cho thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) - bản chính.

- "Văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường" thay cho "Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án".

- "Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của dự án" thay cho "Báo cáo thẩm duyệt về phương án phòng chống cháy nổ của dự án".

c) Yêu cầu, điều kiện:

- Sửa điều kiện "Các nội dung của hợp đồng tín dụng phải phù hợp với thông báo cho vay và thể hiện quyền và nghĩa vụ của các Bên cũng như các cam kết khác được các Bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật" thành "Các nội dung của hợp đồng tín dụng phải phù hợp với thông báo cho vay và thể hiện quyền và nghĩa vụ của các Bên cũng như các cam kết khác được các Bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng".

- Bỏ các điều kiện:

+ Việc ký kết Hợp đồng tín dụng thực hiện đồng thời với việc ký kết Hợp đồng bảo đảm tiền vay hoặc ký sau Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

+ Dự án đã có thông báo cho vay vốn tín dụng đầu tư của Tổng Giám đốc (đối với dự án không phân cấp) hoặc của Giám đốc (đối với dự án phân cấp).

+ Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng không xuất hiện các yếu tố bất lợi cho việc thực hiện dự án.

+ Nếu phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến an toàn tín dụng, NHPT đình chỉ việc ký kết Hợp đồng tín dụng.

+ Trường hợp dự án được đầu tư bằng vốn tín dụng đầu tư và vốn vay các tổ chức cho vay khác, việc ký Hợp đồng tín dụng với các tổ chức cho vay khác phải đảm bảo không ảnh hưởng đến Hợp đồng tín dụng đã ký với NHPT.

+ Đối với cho vay thỏa thuận: Các dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (TDĐT) đã ký Hợp đồng tín dụng với NHPT, nhưng dự án chưa đủ điều kiện để giải ngân nguồn vốn tín dụng đầu tư theo quy định của NHPT, hoặc các dự án có đủ điều kiện giải ngân nguồn vốn TDĐT nhưng chưa cân đối được nguồn vốn TDĐT và chủ đầu tư có nhu cầu về vốn để thực hiện dự án.

+ Thời hạn cho vay thỏa thuận phù hợp với thời gian để hoàn thiện điều kiện giải ngân vốn tín dụng đầu tư. Thời gian cho vay tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

- Chuyển điều kiện: "Chỉ thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản giải ngân thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất khi Chủ đầu tư không có nợ quá hạn (gốc và lãi) đối

với tất cả các dự án, khoản vay đang có quan hệ tín dụng. 10. Các dự án nằm trong danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008 được NHPT chấp thuận ký Hợp đồng tín dụng trước và sau ngày 01/4/2009. 11. Đối với các dự án được hỗ trợ lãi suất: Thời gian vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 24 tháng kể từ ngày giải ngân đối với từng khoản vay. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện kể từ ngày 01/4/2009 đến ngày 31/12/2011" sang điều kiện để thực hiện thủ tục Hỗ trợ lãi suất 4%.

3. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân tạm ứng chung - B-NPT-096407-TT

a) Chuyển điểm 2 thu hồi tạm ứng sang thủ tục "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành đối với công việc do chủ đầu tư thực hiện" và thủ tục "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán hợp đồng xây dựng"

b) Bỏ các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị tạm ứng vốn của nhà thầu.

- Dự toán trúng thầu.

- Đề xuất của nhà thầu.

- Các sửa đổi bổ sung bằng văn bản.

- Quy định về thứ tự ưu tiên khi áp dụng các tài liệu hợp đồng nếu giữa các tài liệu này có các quy định mâu thuẫn, khác nhau.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

c) Quy định hình thức pháp lý của những tài liệu sau:

- Hợp đồng xây dựng, các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có) (bản chính) và các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng bao gồm:

+ Dự toán công trình, hạng mục công trình, công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt - bản chính.

+ Điều kiện hợp đồng (điều kiện riêng và điều kiện chung của hợp đồng) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh khoản tiền tạm ứng và các loại bảo lãnh khác (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Việc tạm ứng cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn và vật tư dự trữ theo mùa, chủ đầu tư cần bổ sung thêm các tài liệu sau: hợp đồng của nhà thầu ký với đơn vị gia công chế tạo hoặc nhập khẩu cấu kiện, bán thành phẩm, vật tư (trường hợp chưa mua) hoặc biên bản xác nhận giữa chủ đầu tư và nhà thầu về số lượng, giá trị cấu kiện, bán thành phẩm, vật tư đã tập kết tại hiện trường (trường hợp đã mua) - bản chính.

4. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân tạm ứng\Trường hợp Giải ngân khối lượng xây dựng hoàn thành đối với công việc do chủ đầu tư thực hiện - B-NPT-096425-TT

a) Chuyển điểm 2 thu hồi tạm ứng sang thủ tục "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành đối với công việc do chủ đầu tư thực hiện" và thủ tục "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán hợp đồng xây dựng".

b) Bỏ các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị tạm ứng vốn của tổ chức cung cấp.

- Các tài liệu khác có liên quan đến từng lần thanh toán quy định trong hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị, dịch vụ... hoặc phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có).

- Biên bản xác nhận giữa chủ đầu tư và tổ chức cung cấp vật tư, thiết bị, dịch vụ,... về số lượng, giá trị vật tư, thiết bị, dịch vụ... đã tập kết tại hiện trường của Chủ đầu tư phù hợp với điều khoản về giao hàng trong hợp đồng cung cấp và các hóa đơn xuất hàng (nếu có).

5. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán hợp đồng xây dựng - B-NPT-096442-TT

6. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán\Trường hợp giải ngân hoàn trả các nguồn vốn khác (vốn tự có, vốn kinh doanh,...) mà Chủ đầu tư đã sử dụng để thực hiện đầu tư dự án trong khi chờ hoàn chỉnh hồ sơ giải ngân vốn tín dụng Nhà nước - B-NPT-096479-TT

a) Về tên thủ tục:

Sáp nhập thủ tục B-NPT-096479-TT vào thủ tục B-NPT-096442-TT

b) Bỏ các tài liệu sau:

- Dự toán trúng thầu

- Đề xuất của nhà thầu.

- Các sửa đổi bổ sung bằng văn bản.

- Quy định về thứ tự ưu tiên khi áp dụng các tài liệu hợp đồng nếu giữa các tài liệu này có các quy định mâu thuẫn, khác nhau.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu.

c) Bổ sung tài liệu đối chiếu công nợ giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc xác nhận của nhà thầu hoặc giấy tờ chứng minh việc nhà thầu đã được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán - bản chính.

d) Quy định hình thức pháp lý của những tài liệu sau:

- Hợp đồng xây dựng, các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có) (bản chính hoặc bản sao có công chứng) và các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng bao gồm:

+ Dự toán công trình, hạng mục công trình, công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt - bản chính.

+ Điều kiện hợp đồng (điều kiện riêng và điều kiện chung của hợp đồng) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/ chủ đầu tư.

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh khoản tiền tạm ứng và các loại bảo lãnh khác (nếu có) - bản sao.

7. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Giải ngân thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành đối với công việc do chủ đầu tư thực hiện - B-NPT-096460-TT

Quy định hình thức pháp lý của những tài liệu sau:

+ Dự toán công trình, hạng mục công trình, công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt - bản chính.

+ Điều kiện hợp đồng (điều kiện riêng và điều kiện chung của hợp đồng) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh khoản tiền tạm ứng và các loại bảo lãnh khác (nếu có) - bản sao mang bản chính đến đối chiếu hoặc bản sao có xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

8. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Lùi thời điểm trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ từng kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ\Trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản, hàng hóa do

nguyên nhân khách quan (thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, động đất, tai nạn bất ngờ, hỏa hoạn....) gây ra - B-NPT-096490-TT

a) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị lùi thời điểm trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ từng kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của chủ đầu tư.

- Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất.

- Biên bản xác định thiệt hại.

b) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Trong Đơn đề nghị xử lý rủi ro (Mẫu 12.02):

- Sửa mục 4 Địa chỉ cơ quan thành Địa chỉ Trụ sở.

- Sửa mục 13 thành Đề nghị biện pháp xử lý.

c) Yêu cầu, điều kiện:

- Bỏ yêu cầu, điều kiện "Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam điều chỉnh thời hạn trả nợ, kỳ hạn trả nợ và mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn, tổng thời gian gia hạn nợ không vượt quá 1/3 thời hạn cho vay đã ký trong hợp đồng tín dụng đầu tiên và tổng thời hạn vay vốn không vượt thời hạn vay vốn tối đa theo quy định".

- Sửa yêu cầu, điều kiện "Khách hàng có quan hệ với NHPT gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng" thành "Chủ đầu tư gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do một trong những nguyên nhân rủi ro bất khả kháng".

d) Các nội dung khác:

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQL ngày 14 tháng 9 năm 2007 thành: "Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) và bán nợ".

9. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Lùi thời điểm trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ từng kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ\Trường hợp khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu - B-NPT-096500-TT

a) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị lùi thời điểm trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ từng kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của chủ đầu tư.

- Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất.

b) Quy định hình thức pháp lý của những tài liệu sau:

- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp kèm chi tiết công nợ thực tế phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của cơ quan chức năng - bản sao có chứng thực.

- Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền - bản sao có chứng thực.

c) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm b) khoản 8 (B-NPT-096490-TT) mục II phần I của phương án này.

d) Yêu cầu, điều kiện

- Bỏ yêu cầu, điều kiện "Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam điều chỉnh thời hạn trả nợ, kỳ hạn trả nợ và mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn, tổng thời gian gia hạn nợ không vượt quá 1/3 thời hạn cho vay đã ký trong hợp đồng tín dụng đầu tiên và tổng thời hạn vay vốn không vượt thời hạn vay vốn tối đa theo quy định" và "Khách hàng có quan hệ với NHPT gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng".

- Bổ sung yêu cầu, điều kiện: Chủ đầu tư là doanh nghiệp Nhà nước gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do thực hiện chuyển đổi sở hữu.

đ) Các nội dung khác:

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQL ngày 14 tháng 09 năm 2007 thành: Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) và bán nợ.

10. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Lùi thời điểm trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ từng kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ\Trường hợp chủ đầu tư gặp khó khăn về tài chính và trả nợ vay do dự án bị chậm tiến độ - B-NPT-096507-TT

a) Bỏ các tài lệu:

- Văn bản đề nghị lùi thời điểm trả nợ, điều chỉnh mức trả nợ từng kỳ hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của chủ đầu tư.

- Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất.

b) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm b) khoản 8 (B-NPT-096490-TT) mục II phần I của phương án này.

c) Yêu cầu, điều kiện:

- Bỏ yêu cầu, điều kiện "Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam điều chỉnh thời hạn trả nợ, kỳ hạn trả nợ và mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn, tổng thời gian gia hạn nợ không vượt quá 1/3 thời hạn cho vay đã ký trong hợp đồng tín dụng đầu tiên và tổng thời hạn vay vốn không vượt thời hạn vay vốn tối đa theo quy định" và "Khách hàng có quan hệ với NHPT gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng".

- Bổ sung yêu cầu, điều kiện: Chủ đầu tư gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do dự án bị chậm tiến độ.

d) Các nội dung khác:

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQL ngày 14 tháng 09 năm 2007 thành: Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) và bán nợ.

11. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Gia hạn nợ\Trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản, hàng hóa, do nguyên nhân khách quan thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc - B-NPT-096520-TT

12. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Gia hạn nợ\Trường hợp khách hàng bị thiệt hại về tài sản, hàng hóa, do nguyên nhân khách quan thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Chi nhánh NHPT - B-NPT-097341-TT

a) Bỏ các tài lệu:

- Văn bản đề nghị gia hạn nợ của chủ đầu tư

- Văn bản đề nghị gia hạn nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước)

- Báo cáo tài chính 2 năm và các quý gần nhất đến thời điểm đề nghị gia hạn nợ.

- Biên bản xác định thiệt hại được lập sau khi xảy ra thiệt hại; Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại của từng loại giá trị tài sản, hàng hóa.

- Các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vay nợ của Nhà nước, tình hình tài chính doanh nghiệp và việc không trả được nợ như đã cam kết.

b) Mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bỏ các Mẫu đơn tờ khai:

+ Tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị XLRR (Mẫu 12.03)

+ Biên bản xác định thiệt hại (Mẫu 12.04)

+ Phiếu đối chiếu số liệu (Mẫu 12.06)

- Trong Đơn đề nghị xử lý rủi ro (Mẫu 12.02): Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm b) khoản 8 (B-NPT-096490-TT) mục II phần I của phương án này.

c) Yêu cầu, điều kiện

- Bỏ yêu cầu, điều kiện "Gặp rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng như: Chủ đầu tư bị thiệt hại tài sản, hàng hóa do nguyên nhân khách quan (thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, động đất, tai nạn bất ngờ, hỏa hoạn,...) gây ra".

- Sửa yêu cầu, điều kiện "Chỉ xem xét gia hạn nợ cho Chủ đầu tư vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng dẫn đến không trả được nợ vay theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng (Phụ lục Hợp đồng tín dụng) đã ký hoặc là Doanh nghiệp Nhà nước nhất thiết phải được xử lý về tài chính khi chuyển đổi sở hữu" thành "Chủ đầu tư gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do một trong những nguyên nhân rủi ro bất khả kháng".

d) Các nội dung khác:

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQL ngày 14 tháng 09 năm 2007 thành: Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) và bán nợ.

13. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Gia hạn nợ\Trường hợp khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc NHPT - B-NPT-096537-TT

14. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Gia hạn nợ\Trường hợp khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Chi nhánh NHPT - B-NPT-097367-TT

a) Bỏ các tài lệu:

- Văn bản đề nghị gia hạn nợ của chủ đầu tư hoặc đại diện khách hàng theo quy định pháp luật.

- Văn bản đề nghị gia hạn nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước).

- Báo cáo tài chính 2 năm và các quý gần nhất đến thời điểm đề nghị gia hạn nợ.

- Bỏ các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vay nợ của Nhà nước, tình hình tài chính doanh nghiệp và việc không trả được nợ như đã cam kết.

b) Quy định hình thức pháp lý của những tài liệu sau:

- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp kèm chi tiết công nợ thực tế phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của cơ quan chức năng - bản sao có chứng thực.

- Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền - bản sao có chứng thực.

c) Sửa thành phần hồ sơ thành:

Dự án đề nghị gia hạn nợ đã đi vào hoạt động phải có: Báo cáo tình hình SXKD của dự án từ thời điểm đưa vào hoạt động đến thời điểm đề nghị gia hạn nợ có phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của dự án và đưa ra phương án tổ chức lại SXKD của dự án có đánh giá lại về hiệu quả kinh tế tài chính và kế hoạch trả nợ vay (gốc, lãi) sau khi được gia hạn nợ.

d) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ các Mẫu đơn tờ khai:

+ Tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị XLRR (Mẫu 12.03)

+ Biên bản xác định thiệt hại (Mẫu 12.04)

+ Phiếu đối chiếu số liệu (Mẫu 12.06)

- Trong Đơn đề nghị xử lý rủi ro (Mẫu 12.02): Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm b) khoản 8 (B-NPT-096490-TT) mục II phần I của phương án này.

đ) Yêu cầu, điều kiện:

- Bỏ yêu cầu, điều kiện "Gặp rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng như: Thực hiện chuyển đổi sở hữu (cổ phần hóa, giao Công ty cho tập thể người lao động, bán Công ty Nhà nước) theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, có khó khăn về tài chính nhất thiết phải được xử lý (đối với khách hàng là Công ty Nhà nước)" và điều kiện "1) Chỉ xem xét gia hạn nợ cho Chủ đầu tư vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng dẫn đến không trả được nợ vay theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng (Phụ lục Hợp đồng tín dụng) đã ký hoặc là Doanh nghiệp Nhà nước nhất thiết phải được xử lý về tài chính khi chuyển đổi sỡ hữu. 2) Việc xem xét gia hạn nợ được thực hiện cho từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào khả năng tài chính của khách hàng; mức độ thiệt hại và nguyên nhân dẫn đến rủi ro".

- Bổ sung yêu cầu, điều kiện: Chủ đầu tư là doanh nghiệp Nhà nước gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do thực hiện chuyển đổi sở hữu.

e) Các nội dung khác:

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQL ngày 14 tháng 9 năm 2007 thành: Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) và bán nợ.

15. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Gia hạn nợ các trường hợp còn lại - B-NPT-097382-TT

a) Sửa tên thủ tục thành "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (Áp dụng cho cả các quỹ quay vòng): Gia hạn nợ các trường hợp không thuộc thẩm quyền của NHPT".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị gia hạn nợ của chủ đầu tư.

- Văn bản đề nghị gia hạn nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước).

- Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất.

- Biên bản xác định thiệt hại được lập sau khi xảy ra thiệt hại; Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại của từng loại giá trị tài sản, hàng hóa.

- Các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vay nợ của Nhà nước, tình hình tài chính doanh nghiệp và việc không trả được nợ như đã cam kết.

c) Quy định hình thức pháp lý của những tài liệu sau:

- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp kèm chi tiết công nợ thực tế phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của cơ quan chức năng - bản sao có chứng thực.

- Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền - bản sao có chứng thực.

d) Quy định đối với dự án đề nghị gia hạn nợ đã đi vào hoạt động phải có: Báo cáo tình hình SXKD của dự án từ thời điểm đưa vào hoạt động đến thời điểm đề nghị gia hạn nợ có phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của dự án và đưa ra phương án tổ chức lại SXKD của dự án có đánh giá lại về hiệu quả kinh tế tài chính và kế hoạch trả nợ vay (gốc, lãi) sau khi được gia hạn nợ.

đ) Thời hạn giải quyết

Quy định trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ khi NHPT có công văn đề nghị Bộ Tài chính gia hạn nợ cho dự án, Bộ Tài chính phải tổ chức thẩm định và có quyết định đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn nợ cho dự án.

e) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bỏ các Mẫu đơn tờ khai:

+ Tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị XLRR (Mẫu 12.03).

+ Biên bản xác định thiệt hại (Mẫu 12.04).

+ Phiếu đối chiếu số liệu (Mẫu 12.06).

- Trong Đơn đề nghị xử lý rủi ro (Mẫu 12.02): Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm b) khoản 8 (B-NPT-096490-TT) mục II phần I phương án này.

g) Viết lại các yêu cầu, điều kiện thành:

- Khách hàng gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do một trong những nguyên nhân rủi ro bất khả kháng hoặc khách hàng là doanh nghiệp Nhà nước gặp khó khăn tạm thời về tài chính và trả nợ vay do thực hiện chuyển đổi sở hữu.

- Thời gian khách hàng đề nghị gia hạn nợ vượt quá 1/3 thời hạn cho vay trong Hợp đồng tín dụng lần đầu đã ký với NHPT.

h) Các nội dung khác:

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Quy chế cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-HĐQL ngày 14 tháng 09 năm 2007 thành: Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm gia hạn nợ, khoanh nợ, xóa nợ (gốc, lãi) và bán nợ.

III. BẢO LÃNH TÍN DỤNG ĐẦU TƯ

1. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thẩm định dự án nhóm A\Trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay - B-NPT-097769-TT

2. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thẩm định dự án nhóm B\Trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay - B-NPT-097427-TT

3. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thẩm định dự án nhóm C\Trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay - B-NPT-097440-TT

a) Hồ sơ pháp lý của khách hàng:

- Thay thế "Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp" bằng "Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về: chấp thuận đầu tư dự án; quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với NHPT" - Bản chính.

- Bỏ các tài liệu khác có liên quan.

- Sửa Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã thành Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước (bản sao có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã (bản sao có chứng thực).

b) Hồ sơ dự án:

- Thay thế "Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án" bằng "Văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường".

- Thay thế "Báo cáo thẩm duyệt về phương án phòng chống cháy nổ của dự án" bằng "Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của dự án".

- Bỏ các quy định sau:

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

+ Các văn bản khác do Chủ đầu tư gửi kèm liên quan đến việc đầu tư dự án.

- Bỏ cam kết của chủ đầu tư về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của tài liệu gửi đến NHPT.

- Quy định cụ thể Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

- Sửa Báo cáo về quan hệ tín dụng với NHPT và các tổ chức cho vay khác của chủ đầu tư, của Người đại diện theo pháp luật, cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn đến thời điểm gần nhất: Bảng kê các hợp đồng tín dụng đã ký và tình hình thực hiện vay, trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng thành Bảng kê danh mục về tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

c) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

* Hồ sơ chủ đầu tư:

- Hồ sơ pháp lý: Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về: chấp thuận đầu tư dự án; quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với NHPT - bản chính.

- Hồ sơ tài chính:

+ Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 2 năm gần nhất và báo cáo tài chính quý gần nhất (đối với Chủ đầu tư đã hoạt động sản xuất kinh doanh) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/doanh nghiệp.

+ Trường hợp báo cáo tài chính của Chủ đầu tư đã được kiểm toán, thì phải gửi báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo kết luận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập - bản sao có chứng thực.

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc Báo cáo đầu tư hoặc Dự án đầu tư xây dựng công trình được lập theo quy định hiện hành - bản chính.

+ Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư dự án (đối với dự án đang thực hiện) - bản chính.

* Hồ sơ dự án:

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, bao gồm:

+ Ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc đối tượng phải lấy ý kiến về TKCS theo quy định tại khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Thỏa thuận của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW về địa điểm xây dựng dự án, hợp đồng thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

d) Các tài liệu yêu cầu khách hàng nộp trước khi ký hợp đồng bảo lãnh:

+ Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước (đối với dự án cấp nước) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản (đối với dự án khai thác sử dụng khoáng sản xi măng, quặng, vật liệu xây dựng...) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc); Trưởng Ban quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã); Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

đ) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đổi cụm từ "doanh nghiệp" thành "khách hàng".

- Thay đổi thông tin về Giám đốc thành thông tin của người đại diện theo pháp luật của khách hàng.

- Bỏ nội dung cung cấp thông tin về tổng mức đầu tư của dự án.

- Thay đổi chủ thể xác nhận đơn: Người đại diện theo pháp luật của khách hàng.

e) Sửa 2 điều kiện thành:

- Điều kiện về dự án: được lập theo đúng quy định pháp luật, đúng đối tượng, có hiệu quả, có khả năng trả nợ.

- Điều kiện về chủ đầu tư: có năng lực pháp luật, tài chính, quản lý thực hiện dự án; sử dụng vốn vay đúng mục đích; hoàn trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn; thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định.

4. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thẩm định dự án nhóm A\Trường hợp chủ đầu tư phải có tài sản bảo đảm khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay - B-NPT-097451-TT

5. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thẩm định dự án nhóm B\Trường hợp chủ đầu tư phải có tài sản bảo đảm khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay - B-NPT-097456-TT

6. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thẩm định dự án nhóm C\Trường hợp chủ đầu tư phải có tài sản bảo đảm khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay - B-NPT-097460-TT

a) Hồ sơ pháp lý của khách hàng:

- Thay thế Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bằng Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về: chấp thuận đầu tư dự án; quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với NHPT - bản chính.

- Bỏ các tài liệu khác có liên quan.

- Sửa Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã thành Giấy

chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước (bản sao có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Chủ đầu tư được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã (bản sao có chứng thực).

b) Hồ sơ dự án:

- Thay thế "Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án" bằng "Văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường".

- Thay thế "Báo cáo thẩm duyệt về phương án phòng chống cháy nổ của dự án" bằng "Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của dự án".

- Bỏ các thành phần hồ sơ sau nếu không quy định rõ giấy tờ cụ thể:

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

+ Các văn bản khác do Chủ đầu tư gửi kèm liên quan đến việc đầu tư dự án.

- Bỏ cam kết của chủ đầu tư về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của tài liệu gửi đến NHPT.

- Sửa Báo cáo về quan hệ tín dụng với NHPT và các tổ chức cho vay khác của chủ đầu tư, của Người đại diện theo pháp luật, cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn đến thời điểm gần nhất: Bảng kê các hợp đồng tín dụng đã ký và tình hình thực hiện vay, trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng thành Bảng kê danh mục về tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

- Quy định cụ thể Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng gồm những tài liệu gì.

c) Hồ sơ bảo đảm tiền vay: nêu rõ thành phần hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định tại Quy chế bảo đảm tiền vay bao gồm những loại giấy tờ, tài liệu gì.

d) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

* Hồ sơ chủ đầu tư:

- Hồ sơ pháp lý:

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về: chấp thuận đầu tư dự án; quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với NHPT - bản chính.

- Hồ sơ tài chính:

+ Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 2 năm gần nhất và báo cáo tài chính quý gần nhất (đối với Chủ đầu tư đã hoạt động sản xuất kinh doanh) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/doanh nghiệp.

+ Trường hợp báo cáo tài chính của Chủ đầu tư đã được kiểm toán, thì phải gửi báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo kết luận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập - bản sao có chứng thực.

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc Báo cáo đầu tư hoặc Dự án đầu tư xây dựng công trình được lập theo quy định hiện hành - bản chính.

+ Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư dự án (đối với dự án đang thực hiện) - bản chính.

* Hồ sơ dự án:

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung liên quan đến dự án theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng, bao gồm:

+ Ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc đối tượng phải lấy ý kiến về TKCS theo quy định tại khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Thỏa thuận của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW về địa điểm xây dựng dự án, hợp đồng thuê đất hoặc chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

đ) Các tài liệu yêu cầu khách hàng nộp trước khi ký hợp đồng bảo lãnh:

+ Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước (đối với dự án cấp nước) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản (đối với dự án khai thác sử dụng khoáng sản xi măng, quặng, vật liệu xây dựng...) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc); Trưởng Ban quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã); Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

e) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Áp dụng nội dung đơn giản hóa như điểm đ) khoản 1 (B-NPT-097769-TT) mục III phần I của phương án này.

g) Yêu cầu, điều kiện:

- Bỏ yêu cầu, điều kiện: Chủ đầu tư có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- Sửa yêu cầu, điều kiện "Chủ đầu tư có dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định tại Nghị định này và có nhu cầu được bảo lãnh để vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác" thành "Chủ đầu tư có dự án thuộc danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước nhưng chưa được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư".

- Sửa yêu cầu, điều kiện "Chủ đầu tư có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, bảo đảm trả được nợ; được Ngân hàng Phát triển Việt Nam thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ và chấp thuận cho vay" thành "Chủ đầu tư có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, bảo đảm trả được nợ".

7. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Ký kết hợp đồng bảo đảm bảo lãnh - B-NPT-096450-TT

a) Thành phần hồ sơ:

- Bỏ Giấy tờ tùy thân và Các giấy tờ khác có liên quan.

- Thay thế Điều lệ hoạt động (nếu có) bằng Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với NHPT - bản chính.

b) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng, quản lý tài sản bảo đảm - bản chính.

- Biên bản thỏa thuận giữa các bên về xác định giá trị chủ đầu tư - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

- Hợp đồng bảo hiểm của tài sản (nếu có) - bản chính.

c) Các tài liệu yêu cầu khách hàng nộp bổ sung:

+ Giấy phép khai thác và sử dụng nguồn nước (đối với dự án cấp nước) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Giấy phép khai thác khoáng sản (đối với dự án khai thác sử dụng khoáng sản xi măng, quặng, vật liệu xây dựng...) - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

+ Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc); Trưởng Ban quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã (đối với Hợp tác xã); Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán - bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao tự xác nhận của khách hàng/chủ đầu tư.

8. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Ký kết Hợp đồng Bảo lãnh, phát hành thư bảo lãnh) - B-NPT-097474-TT

- Bỏ tài liệu: Quyết định thành lập pháp nhân (đối với DNNN).

- Thay thế Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bằng Văn bản của cấp có thẩm quyền trong doanh nghiệp quy định về quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật trong giao dịch với NHPT - bản chính.

9. Thủ tục Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Thực hiện hợp đồng bảo lãnh - B-NPT-097480-TT

Bỏ các tài liệu:

- Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

- Hồ sơ chuyển tiền trả nợ thay gồm:

+ Văn bản đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Giám đốc NHPT.

+ Các tài liệu khác chứng minh bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đối với tổ chức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh.

IV. CÁC THỦ TỤC XỬ LÝ RỦI RO (KHOANH, XÓA, BÁN NỢ; XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM TIỀN VAY)

1. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Khoanh nợ\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng - B-NPT-096459-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước".

Tên thủ tục mới là "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Khoanh nợ\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị khoanh nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị khoanh nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh).

- Bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

c) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật - bản chính.

- Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh khả thi và kế hoạch trả nợ vay sau khi được khoanh nợ của khách hàng có sự chấp thuận của Chi nhánh NHPT - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

đ) Bỏ mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biên bản xác định thiệt hại được lập ngay sau khi xảy ra thiệt hại - Mẫu đơn số 12.04.

- Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại của từng loại tài sản, hàng hoá; trong đó xác định rõ tài sản, hàng hóa bị thiệt hại được hình thành từ vốn vay NHPT - Mẫu đơn số 12.05.

2. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Khoanh nợ\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gặp khó khăn về tài chính- B-NPT-096813-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước".

Tên thủ tục mới là "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Khoanh nợ\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gặp khó khăn về tài chính".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị khoanh nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị khoanh nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

c) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật - bản chính.

- Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh khả thi và kế hoạch trả nợ vay sau khi được khoanh nợ của khách hàng có sự chấp thuận của Chi nhánh NHPT - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

3. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ lãi\trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng - B-NPT-096852-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước".

Tên thủ tục mới là "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị xóa nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

c) Quy định "Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật" - bản chính.

d) Bỏ mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biên bản xác định thiệt hại được lập ngay sau khi xảy ra thiệt hại - Mẫu đơn số 12.04.

- Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại của từng loại tài sản, hàng hóa; trong đó xác định rõ tài sản, hàng hóa bị thiệt hại được hình thành từ vốn vay NHPT - Mẫu đơn số 12.05.

đ) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

4. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng là DNNN thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gặp khó khăn về tài chính - B-NPT-096874-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước".

Tên thủ tục mới là "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng là DNNN thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gặp khó khăn về tài chính".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị xóa nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

c) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật - bản chính.

- Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh khả thi và kế hoạch trả nợ vay sau khi được khoanh nợ của khách hàng có sự chấp thuận của Chi nhánh NHPT - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

5. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự - B-NPT-097234-TT

6. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng là cá nhân bị chết hoặc bị tuyên bố là đã chết - B-NPT-097267-TT

7. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng là cá nhân bị tuyên bố là mất tích - B-NPT-097293-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước"

và ghép các thủ tục này lại thành thủ tục mới là "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

c) Quy định "Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật" - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

8. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng bị giải thể - B-NPT-097311-TT

9. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng bị phá sản - B-NPT-097330-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước"

và ghép 2 thủ tục thành thủ tục mới "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng bị giải thể, phá sản".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị xóa nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Quyết định giải thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

c) Quy định "Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật" - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

đ) Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện "Trường hợp khách hàng bị phá sản: ngoài những hồ sơ đã nêu tại mục 7, cần gửi bổ sung Phương án Phân chia tài sản của Tòa án".

10. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng - B-NPT-097346-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước".

Tên thủ tục mới là "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ lãi\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị xóa nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

c) Quy định "Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật" - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

đ) Bỏ mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biên bản xác định thiệt hại được lập ngay sau khi xảy ra thiệt hại - Mẫu đơn số 12.04.

- Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại của từng loại tài sản, hàng hóa; trong đó xác định rõ tài sản, hàng hóa bị thiệt hại được hình thành từ vốn vay NHPT - Mẫu đơn số 12.05.

11. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự - B-NPT-097364-TT

12. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng là cá nhân bị chết hoặc bị tuyên bố là đã chết - B-NPT-097393-TT

13. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước\Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng là cá nhân bị tuyên bố là mất tích - B-NPT-097401-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước"

và ghép các thủ tục này thành thủ tục mới "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích"

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

c) Quy định "Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật" - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Văn phòng Chính phủ: 15 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của Bộ Tài chính (có ý kiến liên bộ) và hồ sơ có liên quan theo quy định.

14. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng bị giải thể - B-NPT-097408-TT

15. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng bị phá sản - B-NPT-097418-TT

a) Sửa tên thủ tục: bổ sung thêm cụm từ "Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro" vào sau cụm từ "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước"

và ghép 2 thủ tục này thành thủ tục mới "Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro\Xóa nợ gốc\Trường hợp khách hàng bị giải thể, phá sản".

b) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản đề nghị xóa nợ của khách hàng hoặc đại diện của khách hàng theo quy định của pháp luật.

- Văn bản đề nghị xóa nợ cho khách hàng của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý (đối với khách hàng là Doanh nghiệp nhà nước).

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Quyết định giải thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (đối với trường hợp giải thể).

- Quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản của Tòa án nhân dân (đối với trường hợp phá sản).

c) Quy định "Đơn đề nghị XLRR của Khách hàng hoặc đại diện Khách hàng theo quy định của pháp luật" - bản chính.

d) Thời hạn giải quyết, quy định:

- Thời hạn giải quyết công việc của NHPT: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Bộ Tài chính: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của NHPT gửi theo quy định.

- Thời hạn giải quyết công việc của Văn phòng Chính phủ: 15 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của Bộ Tài chính (có ý kiến liên bộ) và hồ sơ có liên quan theo quy định.

đ) Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện: ”Trường hợp khách hàng bị phá sản: ngoài những hồ sơ đã nêu tại mục 7, cần gửi bổ sung Phương án Phân chia tài sản của Tòa án”.

16. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Bán nợ (giá bán nợ bằng hoặc cao hơn dư nợ gốc)\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng - B-NPT-097884-TT

17. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Bán nợ (giá bán nợ thấp hơn dư nợ gốc)\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng - B-NPT-098110-TT

a) Bỏ các tài liệu:

- Văn bản xác nhận của UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú về tình hình tài chính của khách hàng (đối với khách hàng là thể nhân).

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến hồ sơ vay nợ của Nhà nước, tình hình tài chính doanh nghiệp và việc không trả được nợ như đã cam kết của khách hàng.

b) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Văn bản của Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) đề nghị mua khoản nợ phải thu của Chi nhánh NHPT đối với khách hàng vay vốn tín dụng đầu tư - bản chính.

- Báo cáo kiểm toán năm gần nhất đến thời điểm đề nghị bán nợ (đối với các trường hợp phải kiểm toán theo luật định) - bản sao có chứng thực.

c) Bỏ mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biên bản xác định thiệt hại được lập ngay sau khi xảy ra thiệt hại - Mẫu số 12.04.

- Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại của từng loại tài sản, hàng hóa; trong đó xác định rõ tài sản, hàng hóa bị thiệt hại được hình thành từ vốn vay NHPT - Mẫu số 12.05.

18. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Bán nợ (giá bán nợ bằng hoặc cao hơn dư nợ gốc)\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gặp khó khăn về tài chính - B-NPT-098085-TT

19. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Bán nợ (giá bán nợ thấp hơn dư nợ gốc)\Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gặp khó khăn về tài chính - B-NPT-098126-TT

a) Bỏ các tài liệu:

- Báo cáo tài chính hai (02) năm gần nhất đến thời điểm đề nghị khoanh nợ của khách hàng (đối với khách hàng là pháp nhân).

- Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng; Hợp đồng bảo lãnh (nếu có).

- Khế ước vay vốn; Khế ước nhận nợ vay bắt buộc (đối với trường hợp được bảo lãnh); bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị khoanh nợ.

- Quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản của Tòa án nhân dân.

- Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến hồ sơ vay nợ của Nhà nước, tình hình tài chính doanh nghiệp và việc không trả được nợ như đã cam kết của khách hàng.

b) Quy định hình thức pháp lý của các tài liệu:

- Văn bản của Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) đề nghị mua khoản nợ phải thu của Chi nhánh NHPT đối với khách hàng vay vốn tín dụng đầu tư - bản chính.

- Báo cáo kiểm toán năm gần nhất đến thời điểm đề nghị bán nợ - đối với các trường hợp phải kiểm toán theo luật định - bản sao có chứng thực.

20. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay\Trường hợp xử lý TSBĐ theo thỏa thuận - B-NPT-098192-TT

21. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay\Trường hợp bên bảo đảm là pháp nhân tổ chức lại theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền - B-NPT-098211-TT

a) Ghép thủ tục B-NPT-098211-TT vào thủ tục B-NPT-098192-TT

b) Bỏ các tài liệu:

- Biên bản làm việc giữa Chi nhánh NHPT và khách hàng về xử lý tài sản bảo đảm.

- Báo cáo tài chính đến thời điểm đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng.

- Hợp đồng tín dụng (phụ lục hợp đồng tín dụng); Hợp đồng bảo đảm tiền vay (phụ lục hợp đồng bảo đảm tiền vay).

c) Quy định "Văn bản đề nghị xử lý TSBĐ của khách hàng" - bản chính.

d) Yêu cầu, điều kiện:

Bỏ cụm từ "... thì nghĩa vụ trả nợ tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn, nếu khách hàng không trả được và không xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ thì NHPT được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;..." trong điều kiện "d) Trường hợp khách hàng bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đến hạn trả nợ, thì nghĩa vụ trả nợ tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn, nếu khách hàng không trả được và không xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ thì NHPT được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ".

22. Thủ tục Cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước: Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay\Trường hợp xử lý TSBĐ không thỏa thuận được phương thức xử lý - B-NPT-098209-TT

a) Bỏ các tài liệu:

- Thông báo xử lý tài sản bảo đảm của Chi nhánh NHPT gửi cho khách hàng và các bên cùng nhận bảo đảm khác.

- Báo cáo tài chính đến thời điểm đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng.

- Hợp đồng tín dụng (phụ lục hợp đồng tín dụng); Hợp đồng bảo đảm tiền vay (phụ lục hợp đồng bảo đảm tiền vay).

b) Yêu cầu, điều kiện:

Bỏ cụm từ "... thì nghĩa vụ trả nợ tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn, nếu khách hàng không trả được và không xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ thì NHPT được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;..." trong điều kiện "d) Trường hợp khách hàng bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đến hạn trả nợ, thì nghĩa vụ trả nợ tuy chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn, nếu khách hàng không trả được và không xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ thì NHPT được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ".

(Xem tiếp Công báo số 25 + 26)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng